

第 5 单 元

hǎo le

gān le

rì zi

(好 子)

(干 子)

(日 子)

gè zi

dà xiǎo

dà shān

(个 子)

(大 小)

(大 山)

gè rén

dà rén

kě lè

(个 人)

(大 人)

(可 乐)

kě jiàn

yè zi

shù yè

(可 见)

(叶 子)

(树 叶)

dōng fāng

guǎng xī

xī fēng

(东 方)

(广 西)

(西 风)

zhú zi

zhú yè

mǎ shàng

(竹 子)

(竹 叶)

(马 上)